**Question 1**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nhược điểm của hình thức “Phỏng vấn” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Không hiệu quả

b. Khó thực hiện

c. Cả hai phương án trên

d. Đòi hỏi kỹ năng giao tiếp

**Question 2**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nội dung của màn hình chính gồm:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Kết quả tra cứu

c. Tiêu chí tra cứu

d. Danh sách các công việc có thể thực hiện với phần mềm

**Question 3**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Các thông tin cần mô tả một màn hình giao diện gồm:

Select one:

a. Tên màn hình (Tên công việc muốn thực hiện trên máy tính)

b. Cả 2 phương án A và B

c. Tất cả đều sai

d. Nội dung (Cấu trúc thành phần bên trong màn hình)

**Question 4**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Mô hình hoá miền thông tin cần thực hiện:

Select one:

a. Định nghĩa các thuộc tính

b. Cả 3 phương án trên

c. Định danh dữ liệu (đối tượng, thực thể)

d. Mỗi quan hệ giữa các dữ liệu

**Question 5**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Mục tiêu chính của giai đoạn “Thiết kế” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. D. Tạo lập phần mềm theo yêu cầu

b. Mô tả các thành phần của phần mềm trước khi tiến hành cài đặt

c. Xác định chính xác các yêu cầu đặt ra cho phềm mềm

d. Mô tả lại thế giời thực thông qua các mô hình trước khi thiết kế

**Question 6**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Ưu điểm của hình thức “Phỏng vấn” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Nhận được cả thông tin chất lượng và số lượng

c. Kỹ sư phần mềm không bị định kiến

d. Nhận được các hiểu biết tốt về môi trường công tác hiện tại, vấn đề và quá trình xử lý thông qua quan sát

**Question 7**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi phân tích yêu cầu tích hợp cần quan tâm đến:

Select one:

a. Tích hợp ứng dụng với phần mềm cũ

b. Chuyển đổi dữ liệu cũ sang khuôn dạng mới

c. Cả 2 phương án A và B

d. Tất cả đều sai

**Question 8**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Một trong các đặc điểm của phần mềm:

Select one:

a. Phần mềm được lắp ráp từ các thành phần có sẵn

b. Tất cả đều sai

c. Phần mềm không “hỏng đi”

d. Phần mềm được chế tạo theo nghĩa cổ điển

**Question 9**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Yêu cầu đối với việc thiết lập ràng buộc quan hệ giữa 2 cột của 2 bảng là:

Select one:

a. Cột bên bảng cha là khoá chính

b. Hai cột đó phải cùng kiểu dữ liệu và độ rộng

c. Tất cả đều đúng

d. Cột bên bảng con là khóa ngoại

**Question 10**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Đặc điểm của phần mềm có:

Select one:

a. Phần mềm được phát triển hay được kỹ nghệ hoá, nó không được chế tạo theo nghĩa cổ điển

b. Tất cả đều sai

c. Phần mềm không hỏng đi

d. Cả hai phương án A và B

**Question 11**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Truy vấn con dạng Multiple-Column SubQuery trả kết quả về:

Select one:

a. Một cột, một dòng

b. Nhiều cột

c. Nhiều dòng

d. Một cột, nhiều dòng

**Question 12**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi thiết kế dữ liệu với yêu cầu tính đúng đắn cần thoả mãn:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Đảm bảo đầy đủ các thông tin

c. Đảm bảo chính xác về mặt ngữ nghĩa các thông tin

d. Đảm bảo đầy đủ và chính xác về mặt ngữ nghĩa các thông tin

**Question 13**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Kết quả nhận của giai đoạn “Xác định yêu cầu” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Mô hình thế giới thực

b. Mô hình phần mềm

c. Danh sách các yêu cầu cùng các thông tin có liên quan

d. Thông tin về hoạt động của thế giới thực

**Question 14**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Kết quả nhận của giai đoạn “Thiết kế” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Danh sách các yêu cầu cùng các thông tin có liên quan

b. Mô hình thế giới thực

c. Mô hình phần mềm

d. Thông tin về hoạt động của thế giới thực

**Question 15**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Mô hình thác nước thích hợp với:

Select one:

a. Những hệ thống không xác định rõ yêu cầu nghiệp vụ

b. Những hệ thống lớn và phức tạp

c. Tất cả đều sai

d. Những hệ thống đã hiểu rõ về yêu cầu nghiệp vụ ngay từ ban đầu

**Question 16**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi thêm một một bản ghi mới vào bảng, có thể sẽ ảnh hướng đến:

Select one:

a. Ràng buộc khoá chính trong bảng

b. Tất cả đều đúng

c. Ràng buộc NOT NULL trong bảng

d. Ràng buộc khoá quan hệ trong bảng

**Question 17**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Kết quả chuyển giao của giai đoạn “Lập trình (cài đặt)” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Phần mềm với độ tin cậy cao

b. Chương trình nguồn của phần mềm với cấu trúc cơ sở dữ liệu tương ứng

c. Danh ách các yêu cầu cùng với thông tin chi tiết về từng yêu cầu

d. Mô hình xử lý; Mô hình dữ liệu

**Question 18**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Phát biểu nào sau đây đúng khi vẽ luồng thông tin giữa một tiến trình thực hiện phép toán ghi và kho:

Select one:

a. Chỉ có một luồng thông tin từ tiến trình về kho

b. Không có luồng thông tin nào

c. Chỉ có một luồng thông tin từ kho về tiến trình

d. Có cả 2 luồng thông tin ngược chiều nhau

**Question 19**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Các phép toán trong ngôn ngữ điều khiển dữ liệu (DCL) gồm có:

Select one:

a. COMMIT, ROLLBACK

b. Tất cả đều sai

c. INSERT, UPDATE, DELETE

d. INSERT, UPDATE, DELETE, SELECT

**Question 20**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Ứng dụng của nhóm phần mềm hệ thống là

Select one:

a. Phục vụ cho các chương trình khác

b. Phục vụ công tác quản lý nghiệp vụ

c. Phục vụ việc quản lý thời gian thực

d. Tất cả đều sai

**Question 21**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Ứng dụng của nhóm phần mềm quản lý nghiệp vụ:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Phục vụ công tác quản lý nghiệp vụ

c. Phục vụ công tác xử lý văn bản

d. Phục vụ việc quản lý thời gian thực

**Question 22**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Phát biểu nào sau đây đúng khi vẽ luồng thông tin giữa một tiến trình chỉ đọc và kho:

Select one:

a. Chỉ có một luồng thông tin từ tiến trình về kho

b. Không có luồng thông tin nào

c. Có cả 2 luồng thông tin ngược chiều nhau

d. Chỉ có một luồng thông tin từ kho về tiến trình

**Question 23**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Tìm hiểu tổng quan về thế giới thực bao gồm:

Select one:

a. Đối nội; Đối ngoại; Chức danh

b. Cả hai phương án trên

c. Quy mô hoạt động; Các hoạt động mà đơn vị có tham gia

d. Tất cả đều sai

**Question 24**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Mô hình hoá chức năng cần thực hiện:

Select one:

a. Xác định cách thức dữ liệu di chuyển trong hệ thống

b. Xác định tác nhân tạo dữ liệu và tác nhân tiêu thụ dữ liệu

c. Cả 3 phương án trên

d. Định danh các chức năng

**Question 25**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi thiết kế dữ liệu với yêu cầu hệ thống cần thoả mãn:

Select one:

a. Đảm bảo việc sao lưu dữ liệu

b. Tất cả đều sai

c. Vẫn đảm bảo các yêu cầu về chất lượng nhưng thoả mãn thêm yêu cầu về hệ thống (phân quyền, cấu hình, môi trường…)

d. Đảm bảo việc phân quyền, khai báo hệ thống

**Question 26**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi phân tích yêu cầu về bảo mật cần quan tâm đến yếu tố:

Select one:

a. Môi trường bảo mật

b. Ảnh hưởng của bảo mật

c. Mức độ bảo mật

d. Cả 3 phương án trên

**Question 27**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Kết quả chuyển giao của giai đoạn “Xác định yêu cầu” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Mô hình thế giới thực

b. Danh sách các yêu cầu cùng với thông tin chi tiết về từng yêu cầu

c. Mô hình xử lý; Mô hình dữ liệu

d. Phần mềm với độ tin cậy cao

**Question 28**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nhóm phép toán Single-Row là:

Select one:

a. EXISTS, NOT EXISTS

b. =, <>, <, <=, >, >=

c. Tất cả đều sai

d. IN, NOT IN, All, ANY

**Question 29**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Tính tiến hoá trong yêu cầu chất lượng phần mềm là:

Select one:

a. Tốc độ xử lý nhanh

b. Đạt hiệu quả kinh tế

c. Sản phẩm có thể thay đổi về mặt chức năng một cách dễ dàng

d. Đầy đủ và chính xác các yêu cầu của người dùng

**Question 30**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi thiết kế dữ liệu với yêu cầu tính hiệu quả cần thoả mãn:

Select one:

a. Đảm bảo đầy đủ và chính xác về mặt ngữ nghĩa các thông tin

b. Đảm bảo tốc độ nhanh, lưu trữ tối ưu

c. Tất cả đều sai

d. Vẫn đảm bảo tính đúng đắn, tính tiến hoá nhưng thoả mãn thêm tốc độ nhanh và lưu trữ tối ưu

**Question 31**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Đối tượng tham gia xác định yêu cầu gồm:

Select one:

a. Chuyên viên tin học và Nhà chuyên môn

b. Người sử dụng

c. Chuyên viên tin học

d. Chuyên viên tin học

**Question 32**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Ứng dụng của nhóm phần mềm máy tính cá nhân:

Select one:

a. Xử lý đồ hoạ

b. Quản trị cơ sở dữ liệu

c. Xử lý văn bản, trang tính

d. Cả 3 phương án trên

**Question 33**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Ưu điểm của hình thức “Họp nhóm” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Nhận được cả thông tin tổng hợp và chi tiết

b. Tất cả đều sai

c. Nhận được các hiểu biết tốt về môi trường công tác hiện tại, vấn đề và quá trình xử lý thông qua quan sát

d. Nhận được cả thông tin chất lượng và số lượng

**Question 34**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Yêu cầu về tốc độ truy xuất dữ liệu có liên quan đến:

Select one:

a. Giao diện phần mềm

b. Cấu trúc truy vấn dữ liệu

c. Cấu trúc thiết kế cơ sở dữ liệu

d. Cả 2 phương án B và C

**Question 35**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Kết quả chuyển giao của giai đoạn “Kiểm thử” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Phần mềm với độ tin cậy cao

b. Mô hình xử lý; Mô hình dữ liệu

c. Chương trình nguồn của phần mềm với cấu trúc cơ sở dữ liệu tương ứng

d. Danh ách các yêu cầu cùng với thông tin chi tiết về từng yêu cầu

**Question 36**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nhược điểm của hình thức “Quan sát” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Khó thực hiện

b. Tất cả đều sai

c. Mất nhiều thời gian

d. Chi phí chuẩn bị lớn

**Question 37**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Trong cùng một bảng có thể:

Select one:

a. Tạo mối quan hệ giữa một cột đến một cột khác

b. Tất cả đều sai

c. Cả 2 phương án A và B

d. Truy vấn kết nối từ bảng tới chính nó

**Question 38**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Tính lặp lại trong yêu cầu kiểm thử phần mềm cần:

Select one:

a. Kiểm tra dữ liệu cục bộ

b. Cần đảm bảo đã kiểm tra hết tất cả các trường hợp

c. Tất cả đều sai

d. Được lặp lại để kiểm tra xem lỗi đã được sửa hay chưa

**Question 39**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi xoá một bản ghi trong bảng, có thể sẽ ảnh hướng đến:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Ràng buộc khoá chính trong bảng đó

c. Ràng buộc khoá quan hệ trong bảng đó

d. Ràng buộc khoá quan hệ ở bảng con khác có tham chiếu quan hệ đến bảng đó

**Question 40**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Một trong các đặc điểm của phương pháp kiểm thử hộp đen là:

Select one:

a. Quan tâm đến cài đặt cụ thể

b. Không chú tâm đến phát hiện sai sót

c. Dựa trên đặc tả chức năng

d. Tất cả đều sai